TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM ĐÀN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 9- 2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Xuân;

2. Bà Hoàng Thị Thúy Giang.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kiều Oanh -Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà*:** Ông Hoàng Minh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Đàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2017/QĐXXST – HNGĐ, ngày 07 tháng 9 năm 2017; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Công Ng, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: Xóm Y, xã NT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984.

Nơi ĐKHKTT: Xóm Y, xã NT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Xóm HL, xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04/7/2017 cũng như bản tự khai, lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn anh Trần Công Ng trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Nguyễn Thị L đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 02 năm 2009 tại UBND xã NT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, tính cách khác nhau, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ

chồng thường xuyên mâu thuẫn. Chị L đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ sống ở xã TH, huyện TC, vợ chồng sống ly thân từ tháng 1/2017 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay nguyên đơn thấy tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Nguyễn Thị L để giải phóng cho nhau.

Tại bản tự khai ngày 04/8/2017 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị L thống nhất lời khai của nguyên đơn về xác lập quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng và thời gian vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Anh Trần Công Ng và chị Nguyễn Thị L thống nhất khai: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị HN; sinh ngày 17 tháng 8 năm 2010 và Trần CV, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2014. Vợ chồng ly hôn, anh Trần Công Ng yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con 01 chung đến khi con trưởng thành, không yêu cầu chị Nguyễn Thị L cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi các con trưởng thành, không yêu cầu anh Trần Công Ng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng: Anh Trần Công Ng và chị Nguyễn Thị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2017, cháu Trần Thị HN trình bày nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn được sống cùng với mẹ Nguyễn Thị L.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn nhưng không thỏa thuận được việc nuôi con chung.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ, thủ tục tống đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự theo quy định từ điều 239 đến điều 260 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Về tình cảm: Anh Trần Công

Ng được ly hôn chị Nguyễn Thị L. Về con chung: Giao con chung tên là Trần Thị HN; sinh ngày 17 tháng 8 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành. Giao con chung Trần CV, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2014 cho anh Trần Công Ng trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Công Ng yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Nguyễn Thị L và giải quyết việc nuôi con chung. Đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn theo theo quy định khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Công Ng và chị Nguyễn Thị L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình và có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 02 năm 2009 tại UBND xã NT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, chung sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2017 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Ng và chị L đều có nguyện vọng ly hôn để giải phóng cho nhau. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của anh Trần Công Ng được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị HN; sinh ngày 17 tháng 8 năm 2010 và Trần CV, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2014. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, các con chung được chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi một con chung đến khi trưởng thành. Chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi các con

trưởng thành. Xét nguyện vọng nuôi con của anh Ng và chị L là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên điều kiện của chị L hiện nay đang làm công nhân tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, thành phố Vinh, thu nhập hàng tháng từ 4.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Chị L thuê nhà ở trọ tại thành phố V, gửi con nhờ ông bà ngoại chăm sóc, thỉnh thoảng về thăm con nên giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng không đảm bảo sự phát triển toàn diện về mọi mặt cho các con. Anh Ng hiện đang sinh sống, làm việc và có chỗ ở ổn định tại xóm Y, xã NT, huyện NĐ nên có điều kiện về thời gian để trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử giao cho mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Cháu Trần Thị HN là con gái hiện đang sống cùng mẹ, học tập ổn định tại Trường Tiểu học TH, huyện TC và cháu có nguyện vọng bố mẹ ly hôn được sống cùng mẹ nên Hội đồng xét xử giao con chung Trần Thị HN cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành. Giao con chung Trần CVcho anh Trần Công Ng trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đều trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Công Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Công Ng và chị Nguyễn Thị L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Thị HN; sinh ngày 17 tháng 8 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao con chung Trần CV, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2014 cho anh Trần Công Ng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Công Ng phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003448 ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Anh Trần Công Ng đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự
- Chi cục THADS huyện Nam Đàn;
- TAND tỉnh Nghệ An
- UBND xã NT, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA; VPTA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Lài